TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-10-2018
V/v "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hường

Ông Trần Đình Đường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 145/2017/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Q V, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Nhà số 9, ngõ 265, K 4, phường HHT, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ cư trú hiện tại: 298-82/12 YJoro, Peak Sa Myeong, Lee cheon si, Gyeonggy do, Korea (Hàn Quốc), vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Th Tr, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: Nhà số 11, đường Phạm Ngọc Thạch, khối TL, phường HD, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Trần Q V trình bày:

Anh và chị Trần Thị Th Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào

ngày 26/8/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn. Đến tháng 9/2014 anh đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Từ đó trở đi, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Năm 2016, chị Trà đưa con về gia đình bên ngoại sinh sống cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn với nhau nên anh Vương làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Th Tr.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Th Tr có 01 con chung tên là Trần Quốc G B, sinh ngày 03/8/2013. Hiện con chung đang được chị Trà chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu được ly hôn anh thỏa thuận nhường cho chị Trà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì anh đang ở nước ngoài và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Trần Thị Th Tr không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại anh đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt anh. Đồng thời anh Vương đề nghị Tòa án gửi các văn bản của Tòa án đến bà Nguyễn Thị Năm, sinh năm 1965, địa chỉ: Nhà số 9, ngõ 265, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và bà Năm sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho anh.

Bị đơn chị Trần Thị Th Tr trình bày: Chị thừa nhận về thời gian, điều kiện, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như anh Trần Q V trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống cũng như lối sống nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Trần Q V làm đơn xin ly hôn thì chị cũng chấp nhận.

Về con chung: Chị và anh Trần Q V có 01 con chung như anh Vương trình bày là đúng. Hiện con chung Trần Quốc G B đang được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn chị cũng thống nhất với yêu cầu của anh Vương là chị tiếp tục nuôi con chung và anh Vương cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Vương không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án Ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Q V đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc. Vào ngày 08/10/2017 anh Vương về Việt Nam và đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An làm thủ tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Th Tr, hiện cư trú tại Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127, Điều 129 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì anh Trần Q V không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và yêu cầu không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trần Q V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai (được hợp thức hóa lãnh sự, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc vào ngày 28.02.2018) đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Vương phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu do anh Vương cung cấp khi Tòa án giải quyết vụ án này. Tại phiên tòa chị Trà đã đọc đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai của anh Vương và thừa nhận đúng chữ viết, chữ ký của anh Vương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Q V.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Q V và chị Trần Thị Th Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 26/8/2013, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống cũng như lối sống nên năm 2016, chị Trà đưa con về gia đình bên ngoại sinh sống cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Th Tr đều nhất trí yêu cầu của anh Vương đưa ra và đồng ý ly hôn. Tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa, chị Trà có đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Vương vì lý do vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn gì, chỉ vì anh Vương lừa dối chị có quan hệ với người

phụ nữ khác. Đồng thời chị Trà đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian để chị cung cấp tài liệu, chứng cứ nhằm chứng minh đơn trình bày của chị là có căn cứ. Sau một thời gian chị Trà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ. Đến ngày 30/8/2018 chị Trà có đơn đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, để giải quyết cho chị và anh Vương được ly hôn. Hiện tại anh Vương và chị Trà thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Trần Q V và chị Trần Thị Th Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Trần Q V đề nghị giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Trần Q V và chị Trần Thị Th Tr có 01 con chung tên là Trần Quốc G B, sinh ngày 03/8/2013. Hiện tại con chung đang được chị Trà chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Vương và chị Trà thỏa thuận: Giao cho chị Trà được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Quốc G B, sinh ngày 03/8/2013 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Vương thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng. Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Q V và chị Trần Thị Th Tr không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Trần Q V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123, Điều 127 và Điều 129 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 37, Điều 40, Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Trần Q V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Q V và chị Trần Thị Th Tr được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Giao cho chị Trần Thị Th Tr được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Quốc G B, sinh ngày 03/8/2013 (hiện đang do chị Trà quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Trần Q V có trách nhiệm cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng tính từ tháng 10 năm 2018 trở đi cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh Trần Q V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Q V và chị Trần Thị Th Tr không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Q V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000608 ngày 12/12/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Trần Q V còn phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Th Tr có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Q V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Hà Huy Tập, TP Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Quỳnh